Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Kbang
Email: ubnd.kbang@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 22.12.2021 12:15:09 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1899/KH-UBND	*Kbang, ngày 15 tháng 12 năm 2021*

KẾ HOẠCH

Tăng tỷ lệ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn thị trấn Kbang và các xã lân cận đến năm 2025.

*** Căn cứ xây dựng kế hoạch:**

Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về việc Tăng tỷ lệcông tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 2202/KH-UBND ngày 28/10/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về Tăng tỷ lệsử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2020, giai đoạn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 (mục tiêu tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 70%).

Thông báo số 98/TB-VP ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về Kết luận của Đồng chí Đỗ Tiến Đông – Phó chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp trực tuyến về sử dụng nước sạch qua hệ thống tập trung trên địa bàn tỉnh;

Công văn số 1340/UBND-CNXD ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh về việc hạn chế khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Công văn số 936/UBND-CNXD ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc tăng tỷ lệ sử dụng nước sạch qua hệ thống tập trung.

Báo cáo số 54/BC-SXD ngày 6/5/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai về Kết quả thực hiện Kế hoạch số 2202/KH-UBND ngày 28/10/2020 của UBND tỉnh về tình hình sử dụng nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến tháng 4 năm 2021.

Ủy ban nhân dân huyện Kbang ban hành Kế hoạch tăng tỷ lệ sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn thị trấn Kbang đến năm 2025 và các xã lân cận như sau:

I. HIỆN TRẠNG CẤP NƯỚC:

1. Về nguồn cấp, nhu cầu sử dụng nước:

1.1. Nguồn cấp:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, sự vào cuộc quyết liệt của của các sở, ngành và chung tay của toàn xã hội, hiện nay có 03 nhà máy cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung phục vụ cấp nước cho nhân dân trên địa bàn thị trấn với tổng công suất thiết kế 4.200m3/ngày.đêm, Trong đó:

+ Nhà máy nước Đăk Lốp lấy nguồn nước từ suối Đăk Lốp có công suất thiết kế 1.200m^3/ngày.đêm công suất khai thác 1.080m^3/ngày.đêm. Tuy nhiên thực tế hiện

nay vào mùa hạn nguồn nước tại suối Đăk lốp cạn kiệt, ô nhiễm không thể dùng để cấp nước.

+ Nhà máy nước dốc khảo sát lấy nguồn nước từ lòng Hồ thủy điện Kanak với công suất thiết kế 2.000m^3/ngày.đêm, công suất khai thác là 1.900m^3/ngày.đêm.

+ Nhà máy cấp nước xã Đông và xã Nghĩa An công suất thiết kế 1.000m3/ngày.đêm, công suất khai thác là 400m^3/ngày.đêm nguồn nước lấy từ lòng hồ thủy điện Kanak. Trong đó cấp chủ yếu cho nhân dân xã Đông và xã Nghĩa An và 143 hộ dân thị trấn (83 hộ TDP 1 và 60 hộ làng Groi).

1.2. Nhu cầu sử dụng nước:

a. Nhu cầu sử dụng nước sạch tại thị trấn Kbang:

- Nhu cầu sử dụng nước hiện tại khu vực đô thị đã được đấu nối vào hệ thống mạng lưới cấp tập trung nước hiện nay 2.723/4.454 hộ đạt 61,14% ứng với công suất cần thiết hiện tại là **1.492** m^3/ngày.đêm.

TT	Nội dung	m3/ngày.đêm
1	Nước dùng cho sinh hoạt 100 Lít/người/ngày/đêm theo số hợp đồng cho 2.723 hộ tương ứng 10.892 người.	1.089
2	Nước dùng cho các công trình công cộng 10%	109
3	Nước rò rỉ, thất thoát 15%	163
4	Nước cho bản thân nhà máy 4%	44
5	Nước dùng để tưới cây, rửa đường 8%	87
	Tổng nhu cầu sử dụng nước của thị trấn hiện nay.	**1.492**

- Nhu cầu sử dụng nước cho toàn bộ nhân dân trên địa bàn thị trấn đến năm 2025 khi toàn bộ các khu vực dân cư đã được đầu tư hệ thống cấp nước tập trung chạy qua để cấp cho 20.000 người *(theo dự báo tăng dân số thị trấn Kbang đến năm 2025 tại quyết định 89/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh)* nhu cầu nước là **2.740**m3/ngày.đêm.

TT	Nội dung	m3/ngày.đêm
1	Nước dùng cho sinh hoạt 100 Lít/người/ngày/đêm cho 20.000 người dự báo đến năm 2025.	2.000
2	Nước dùng cho các công trình công cộng 10%	200
3	Nước rò rỉ, thất thoát 15%	300
4	Nước cho bản thân nhà máy 4%	80
5	Nước dùng để tưới cây, rửa đường 8%	160
	Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2025	**2.740**

b. Nhu cầu sử dụng nước sạch tại xã Đông, Nghĩa An và xã Đăk Hlơ:

- Nhu cầu sử dụng nước hiện tại xã Đông, Nghĩa An đã được đấu nối vào hệ thống mạng lưới cấp tập trung nước hiện nay 1.477/2.570 hộ đạt 57,47% ứng với công suất cần thiết hiện tại là **809** m^3/ngày.đêm. Tuy nhiên các hộ dân tại xã Đông, Nghĩa An vẫn còn thói quen sử dụng nước giếng khoan, giếng đào và trữ nước mưa để sinh hoạt. Công suất nhà máy nước xã Đông, Nghĩa an hiện nay là 1.000 m^3/ngày.đêm nhưng theo số liệu báo cáo của Trạm quản lý thủy nông mùa nắng công suất nhà máy hoạt đồng 40% công suất, mua mưa chỉ hoạt động 20% công suất.

TT	Nội dung	m3/ngày đêm
1	Nước dùng cho sinh hoạt 100 Lít/người/ngày/đêm theo số hợp đồng	591
2	Nước dùng cho các công trình công cộng 10%	59
3	Nước rò rỉ, thất thoát 15%	89
4	Nước cho bản thân nhà máy 4%	24
5	Nước dùng để tướii cây, rửa đường 8%	47
	Tổng nhu cầu sử dụng nước của dân số xã Đông, Nghĩa An hiện nay	**809**

- Nhu cầu sử dụng nước cho toàn bộ nhân dân trên địa bàn Đông, Nghĩa An và xã Đăk Hlơ khi toàn bộ các khu vực dân cư đã được đầu tư hệ thống cấp nước tập trung chạy qua để cấp cho 12.222 người *(số liệu dân số theo Niên giám thống kê năm 2020)* dự báo đến năm 2025 theo tỷ lệ tăng dân số 1,91% thì đến năm 2025 dân số của 03 xã là 13.182 người thì nhu cầu nước đến năm 2025 là **1.806** m3/ngày.đêm.

TT	Nội dung	m3/ngày.đêm
1	Nước dùng cho sinh hoạt 100 Lít/người/ngày/đêm	1.318
2	Nước dùng cho các công trình công cộng 10%	132
3	Nước rò rỉ, thất thoát 15%	198
4	Nước cho bản thân nhà máy 4%	53
5	Nước dùng để tưới cây, rửa đường 8%	105
	Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2025	**1.806**

2. Đánh giá chung về thực trạng hệ thống cấp nước so với dân số:

*** Đối với Thị trấn Kbang:**

- Tổng công suất thiết kế hiện tại của 2 nhà máy nước cấp cho nhân dân trên địa bàn thị trấn Kbang 3.200m3/ngày.đêm *(Nhà máy suối Đăk Lốp 1.200 m3/ngày.đêm; nhà máy dốc khảo sát 2.000 m3/ngày.đêm)* Trong khi dân số toàn thị trấn Kbang đến năm 2025 dự báo là 20.000 người *(số liệu dân số theo dự báo tại Điều chỉnh chung quy hoạch thị trấn Kbang đến năm 2035)* ứng với công suất cần thiết cho kế hoạch đến năm 2025 là **2.740 m^3/ngày.đêm.**

- Do vậy công suất cấp nước của 02 nhà máy cấp nước hoàn toàn đủ công suất để cấp nước cho nhân dân trên địa bàn thị trấn khi 100% dân số đô thị sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2025.

*** Đối với xã Đông, Nghĩa An và xã Đăk Hlơ:**

- Tổng công suất thiết kế hiện tại của nhà máy nước xã Đông, Nghĩa An 1.000m3/ngày.đêm. Trong khi dân số của 03 xã hiện nay la 12.222 người dự báo đến năm 2025 theo tỷ lệ tăng dân số 1,91% thì đến năm 2025 dân số của 03 xã là 13.182 người ứng với công suất cần thiết cho cho 3 xã đến năm 2025 là **1.806 m^3/ngày.đêm.**

- Do vậy công suất cấp nước hiện tại của nhà máy nước xã Đông, Nghĩa An không đủ công suất để cấp nước cho toàn bộ nhân dân trên địa bàn 03 xã (xã Đông, Nghĩa An và xã Đăk Hlơ) đến năm 2025. Để cấp nước cho 100% dân số xã Đông, Nghĩa an và xã Đăk Hlơ thì cần đầu tư nâng cấp công suất nhà máy lên 2.000m3/ngày.đêm.

II. KẾ HOẠCH TĂNG TỶ LỆ SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH QUA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẬP TRUNG.

1. Mục đích, yêu cầu:

- Nâng cao tỷ lệ người dân, cơ quan đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn thị trấn sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ít nhất mỗi năm tăng thêm 10% kế hoạch đến năm 2025 đạt 100% dân số trên địa bàn thị trấn Kbang sử dụng nước qua hệ thống cấp nước tập trung. Hiện nay chỉ đạt 2.723/4.454 hộ Đạt: 61,14%.

- Nâng cao tỷ lệ người dân, cơ quan đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn các xã lân cận xã Đông, Nghĩa An và xã Đăk Hlơ sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, huy động mọi nguồn lực kêu gọi đầu tư thực hiện xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các các dự án cấp nước nhằm đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước của nhân dân trên địa bàn thị trấn.

2. Nội dung Kế hoạch tỷ lệ sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung:

a. Về nguồn cấp:

- Nhà máy nước Dốc khảo sát với công suất 2.000 m3/ngày.đêm cấp cho địa bàn thị trấn Kbang về lâu dài sau năm 2025 cần nâng cấp nhà máy nước Dốc Khảo sát lên công suất 3.000 m3/ngày.đêm.

- Nhà máy nước Đăk Lốp với công suất thiết kế là 1.200m^3/ngày.đêm cấp cho địa bàn thị trấn Kbang. Cải tạo nhà máy, xây dựng đập tích nước nâng công suất nhà máy 2.500m3/ngày.đêm.

- Nhà máy nước xã Đông, Nghĩa An với công suất 1.000 m3/ngày.đêm cấp cho nhân dân xã Đông, Nghĩa An và xã Đăk Hlơ. Để đảm bảo công suất mở rộng mạng lưới ra các khu dân cư xã xã Đăk Hlơ cần nâng cấp công suất lên 2.000 m3/ngày.đêm.

Bảo đảm chất lượng nước sản xuất, cung cấp được kiểm tra, giám sát và đánh giá đạt Quy chuẩn kỹ thuật quy định QCVN 01:2009/BYT và tiến tới QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế.

b. Về mạng lưới:

- Đảm bảo hệ thống mạng lưới vận hành ổn định, duy trì đủ áp lực cấp nước cho toàn bộ khách hàng hiện có.

- Đảm bảo cung cấp nước sạch cho các khách hàng mới nằm trong phạm vi khu vực đã có hệ thống mạng cấp nước.

- Kịp thời khắc phục những điểm rò rỉ, vỡ ống gây mất nước, thất thoát nước sạch.

- Xây dựng kế hoạch thay thế toàn bộ mạng lưới ống PVC cũ bằng hệ thống ống HPDE để chống rò rỉ, thất thoát nước.

- Về thị trấn Kbang: Tiếp tục triển khai mở rộng mạng lưới ra toàn bộ đô thị, đảm bảo kế hoạch đến cuối năm 2025 100% khu dân cư trên địa bàn thị trấn được đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung chạy qua.

- Về xã Đông, Nghĩa An và xã Đăk Hlơ: Trong giai đoạn từ nay đến 2025 tập trung mọi giải pháp hoàn thành mở rộng mạng lưới nước sạch qua hệ thống tập trung ra địa bàn các khu dân cư chưa có hệ thống cấp nước tập trung tại xã Đông, xã Nghĩa An và làng Lợt xã Đăk Hlơ.

3. Giải pháp tăng tỷ lệ sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung:

- Siết chặt, nghiêm cấm việc khai thác nước ngầm của các hộ dân trên địa bàn đối với những khu vực đã có hệ thống nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung chạy qua. Đồng thời tuyên truyền người dân về lợi ích của việc sử dụng nước sạch qua hệ thống tập trung với sức khỏe nhân dân và cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân;

- Bố trí kinh phí theo lộ trình mở rộng mạng lưới cấp nước sạch ra các tuyến đường nội thị trấn chưa có đường nước sạch trên địa bàn thị trấn;

- Tập trung mọi giải pháp hoàn thành mở rộng mạng lưới nước sạch qua hệ thống tập trung ra địa bàn các khu dân cư chưa có hệ thống cấp nước tập trung tại xã Đông, xã Nghĩa An và làng Lợt xã Đăk Hlơ. Sau năm 2025 phấn đấu tập trung nguồn lực nâng cấp đường ống chính, mở rộng mạng lưới ra các khu dân cư trên địa bàn xã Đăk Hlơ, nếu đủ điều kiện tiếp tục mở rộng ra các xã lân cận.

- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy nước dốc Khảo sát duy trì công suất công suất 2.000m3/ngày.đêm. Sau năm 2025 nâng cấp công suất nhà máy lên 3.000 m3/ngày.đêm.

- Xây dựng đập chứa nước phía thượng nguồn, cải tạo sửa chữa nhà máy nước suối Đăk Lốp (theo công nghệ mới lắng Lamella) nâng công suất nhà máy 2.500m3/ngày.đêm.

- Đầu tư nâng cấp nhà máy nước xã Đông, Nghĩa An về lâu dài sau năm 2025 nâng cấp nhà máy lên công suất 2.000m3/ngày.đêm.

- Tiếp tục rà soát đầu tư sửa chữa thay thế các hệ thống mạng lưới cấp nước cũ chống rò rỉ, thất thoát nước.

4. Kế hoạch chi tiết đầu tư mở rộng, sửa chữa hệ thống cấp nước tập trung từ nay đến năm 2025.

a. Đối với thị trấn Kbang:

- Tổng kinh phí dự kiến: 17.455,5 tr.đồng (Mười bảy tỷ, bốn trăm năm lăm triệu, năm trăm ngàn đồng)

Trong đó:

+ Năm 2022: 7.626,0 tr.đồng.

+ Năm 2023: 5.361,5 tr.đồng.

+ Năm 2024: 3.640,5 tr.đồng.

+ Năm 2025: 827, 5 tr.đồng.

TT	Nội dung đầu tư mở rộng, thay thế đường ống; năm thực hiện	Chiều (m)	Loại ống (F)	Số tuyến	Đơn giá (1.000 đ)	Kinh phí dự kiến (1.000)	Số người sử dụng nước (người)	Tỷ lệ tăng (+%)
	Năm 2022					**7.626.000**	**3.612**	**20,61**
1	Đường Hai Bà Trưng (Đường Trường Sơn Đông - cầu Treo)	2.700	110	1	350	945.000	1.156	6,59
		2.700	90	2	300	1.620.000		
	Các hẻm	2.130	63	2	250	1.065.000		
2	Lê Văn Tám TDP 13 (Cầu Lê Văn Tám - Giáp Lơ Ku)	1.960	110	1	350	686.000	667	3,81
		1.960	63	2	250	980.000		
	Các tuyến Hẻm	750	63	2	250	375.000		
3	Làng HTtăng	1.110	63	2	250	555.000	306	1,75
4	Đường Mạc Đỉnh Chi (từ Nguyễn Du - Lê Văn Tám)	417	63	2	250	208.500	128	0,73
5	Đường Phan Đình Phùng (từ YWừu - Lê Văn Tám)	1.190	110	1	350	416.500	544	3,10
		1.190	63	2	250	595.000		
	Các tuyến hẻm	360	63	2	250	180.000		
6	*Vận động các hộ dân dọc các tuyến đường đã có đường ống cấp nước chạy qua đấu nối vào hệ thống cấp nước tập trung khoảng 203 hộ trong năm 2022*						*811*	*4,63*
	Năm 2023					**5.361.500**	**1.708**	**9,74**

7	Đường Hoàng Hoa Thám (Từ Đài truyền hình-Dốc khảo sát)	3.020	110	1	350	1.057.000	540	3,08
		3.020	63	2	250	1.510.000		
	Các hẻm	251	63	2	250	125.500		
8	Đường Đinh Tiên Hoàng	345	63	2	250	172.500	148	0,84
	Các hẻm	150	63	2	250	75.000		
9	Các Đường hèm dốc huyện Đội (Đường BTXM nhà cô Hội)	665	63	2	250	332.500	176	1,00
10	Các tuyến đường hẻm TDP 01 dọc đường Quang Trung	540	63	2	250	270.000	152	0,87
11	Đường Y Wừu (từ TSĐ đến làng Groi)	1.300	90	1	300	390.000	232	1,32
		1.300	63	1	250	325.000		
	Các hẻm	300	63	2	250	150.000		
12	Đường Hẻm Sau trường Nguyễn Thị Minh Khai	65	63	2	250	32.500	80	0,46
13	Đường Trần Quốc Toản (Từ Trần Bình Trọng - giáp hẻm Quang Trung)	780	90	1	300	234.000	380	2,17
		780	63	1	250	195.000		
	Các tuyến đường hẻm	605	63	2	250	302.500		
14	*Thay thế đường ống cấp nước xuống cấp thất thoát nước lớn Lý Tự Trọng*	*200*	*63*	*2*	*250*	*100.000*		
15	*Thay thế đường ống cấp nước xuống cấp thất thoát nước lớn Hồ Xuân Hương*	*180*	*63*	*2*	*250*	*90.000*		
	Năm 2024					**3.640.500**	**1.048**	**5,98**
16	Đường Cù Chính Lan (từ Quang Trung - vào làng Hợp)	1.200	90	1	300	360.000	412	2,35
		650	63	1	250	162.500		
	Các hẻm	580	63	2	250	290.000		
17	Khu dân cư làng Chiêng	1.122	63	2	250	561.000	208	1,19
18	Khu dân cư làng Hợp	1.300	63	2	250	650.000	216	1,23
19	Đường Hẻm xóm Hương Khê	330	63	2	250	165.000	212	1,21
20	*Thay thế đường ống cấp nước xuống cấp thất thoát nước lớn Quang Trung (Lê Quý Đôn - Hoàng Hoa Thám)*	1.850	90	1	300	555.000		
21	*Thay thế đường ống cấp nước xuống cấp thất thoát nước lớn Quang Trung (YWừu-Phan Đình Phùng)*	1.150	90	1	300	345.000		
22	*Thay thế đường ống cấp nước xuống cấp thất thoát nước lớn Lê Lợi*	920	90	2	300	552.000		
	Năm 2025					**827.500**	**444**	**2,53**
23	Khu Dân cư Dốc khảo sát	900	90	1	300	270.000	100	0,57
		110	63	1	250	27.500		
24	Khu QH TDP 19 cũ (Nay TDP 13)	880	63	2	250	440.000	344	1,96

25	*Thay thế đường ống cấp nước xuống cấp thất thoát nước lớn đường Nguyễn Du*	*180*	*63*	*2*	*250*	*90.000*		
	TỔNG CỘNG					**17.455.500**	**6.812**	**38,86**

Hiện nay tỷ lệ dân số đô thị đã sử dụng nước sạch qua hệ thống tập trung đạt 61,14%. Theo lộ trình của kế hoạch đến năm 2025 tăng thêm +34,23% đạt 95,37% kế hoạch còn 4,63% là các hộ dân trên các tuyến đường đã có hệ thống cấp nước tập trung chạy qua nhưng hộ gia đình đã có giếng đào hoặc giếng khoan không có nhu cầu đấu nối vào hệ thống, trong năm 2022 triển khai việc tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung, vận động khoảng 203 hộ dân dọc các tuyến đường đã có đường ống cấp nước chạy qua đấu nối vào hệ thống cấp nước tập trung

b. Đối với xã Đông, Nghĩa An và xã Đăk Hlơ:

*** Năm 2022:**

- Mở rộng khu dân cư làng Kuao xã Nghĩa An với chiều dài 365m bằng ống HDPE d=63mm, lắp đặt đồng hồ và các phụ kiện để cấp nước cho 17 hộ dân; làng Lợt xã Nghĩa An với chiều dài 800m ở 3 tuyến bằng ống HDPE d=63mm, lắp đặt đồng hồ và các phụ kiện để cấp nước cho 33 hộ dân.
- Mở rộng khu dân cư làng Lợt xã Đăk Hlơ với chiều dài 5.163m bằng ống HDPE d=63mm, lắp đặt đồng hồ và các phụ kiện để cấp nước cho 65 hộ dân. Tổng chiều dài lắp đặt mới là 6.328m cung cấp nước cho 115 hộ dân
- Tổng kinh phí dự kiến lắp đặt cho 3 khu mở rộng là 1,1 tỷ đồng.

*** Năm 2023:**

- Mở rộng khu dân cư làng Tờ Mật (thôn 2) xã Đông với chiều dài 1.500m bằng ống HDPE d= 63mm, lắp đặt đồng hồ và các phụ kiện để cấp nước cho 100 hộ dân với
- Kinh phí 500 triệu đồng.

*** Năm 2024:** Mở rộng mạng đường ống nhánh ở các đường hẻm trên địa bàn 2 xã với chiều dài khoảng 2.200m bằng ống HDPE d= 63mm, lắp đặt đồng hồ và các phụ kiện để cấp nước cho 100 hộ dân với kinh phí 950 triệu đồng.

*** Giai đoạn sau năm 2025:** Tiến hành mở rộng mạng lưới ra toàn bộ các khu dân cư trên địa bàn xã Đăk Hlơ với chiều dài tổng cộng 31,08km

- Kinh phí khoảng 15,0 tỷ đồng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Ban quản lý Hạ tầng - Giao thông – Đô thị, Trạm quản lý Thủy nông:

- Thường xuyên thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy nước, thay thế bơm, vận hành an toàn tối đa công suất các nhà máy nước, đảm bảo tổng lượng nước sản xuất, cung cấp đạt tối thiểu khoảng 2.740m3/ngày.đêm vào năm 2025; thực hiện chế độ nội kiểm chất lượng nước theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Vận động tuyền truyền các hộ dân nằm trong khu vực đã có hệ thống nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung chưa hợp đồng đấu nối nước sạch tiến hành đầu nối vào hệ thống.

- Nghiên cứu, áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong việc ghi chỉ số đồng hồ, thu tiền sử dụng nước và các thông báo về dịch vụ cấp nước.

- Thực hiện một số giải pháp đồng bộ như vận hành van, điều tiết cấp nước, vận hành mạng lưới cấp nước phân khu theo giờ, theo tuyến, ưu tiên những khu vực như bệnh viện, trường học, các làng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng phương án cấp nước bằng xe stec: Đối với các khu vực ở cuối nguồn nước, các vị trí có cốt địa hình cao, bất lợi và trường hợp sửa chữa khắc phục sự cố...

- Cập nhật tiêu chuẩn cấp nước sạch do Bộ Y tế ban hành để điều chỉnh, bổ sung công nghệ cho phù hợp; xây dựng kế hoạch sản xuất cấp nước, kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước, kế hoạch triển khai thay thế đường ống đã xuống cấp, đảm bảo yêu cầu chất lượng nước của Bộ Y tế.

- Chủ động tổ chức thực hiện Kế hoạch nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch qua hệ thống nước tập trung của đơn vị; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sát thực tế điều kiện của đơn vị; phối hợp chặt chẽ với Điện lực Kbang đảm bảo cung cấp điện ổn định, đảm bảo chất lượng, phục vụ sản xuất, cấp nước; rà soát tình hình cung cấp nước, có giải pháp đảm bảo ổn định cấp nước về số lượng và chất lượng đối với các khách hàng dùng nước, đặc biệt là các cơ sở y tế, bệnh viện, trường học mầm non, trường nội trú, các làng đồng bào ...

- Tổ chức trực tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin của khách hàng về tình hình cấp nước; Công bố công khai, rộng rãi số điện thoại đường dây nóng của đơn vị, cá nhân trực cấp nước cho nhân dân và khách hàng trên địa bàn để tiện liên hệ, giải quyết; thực hiện báo cáo kịp thời UBND huyện, phòng Kinh tế và Hạ tầng tình hình sự cố gây ảnh hưởng lớn đến cấp nước cho nhân dân trên địa bàn quản lý và cung cấp nước sạch của đơn vị, phương án và tiến độ khắc phục;

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất UBND huyện đầu tư xây dựng, mở rộng và phát triển hệ thống cấp nước thuộc địa bàn được giao vận hành quản lý, phù hợp các quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước, các cơ chế, chính sách hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng các công trình cấp nước.

2. Các cơ quan đơn vị:

2.1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch tăng tỷ lệ sử dụng nước sạch qua hệ thống nước tập trung của từng đơn vị cấp nước, tổng hợp báo cáo UBND huyện khi được yêu cầu;

- Tăng tỷ lệphối hợp với trung tâm y tế huyện, thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch đô thị tại các nhà máy nước.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan Tăng tỷ lệkiểm tra, đôn đốc các Chủ đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn huyện phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cấp nước trong quá trình thi công, giám sát các công trình hạ tầng kỹ thuật, tránh gây sự cố đường ống và phối hợp khắc phục khẩn trương sự cố nhằm cung cấp nước cho nhân dân nhanh nhất.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước được UBND huyện giao về lĩnh vực cấp nước đô thị; phối hợp các đơn vị cấp nước nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư xây dựng, mở rộng và phát triển hệ thống cấp nước phù hợp các quy hoạch xây dựng.

2.2. Điện lực Kbang:

Ưu tiên cung cấp điện ổn định cho các nhà máy sản xuất nước, phối hợp và thông báo trước từ 1 đến 2 ngày lịch tạm ngừng cấp điện sửa chữa để các đơn vị cấp nước chủ động thông tin cho khách hàng có kế hoạch dự trữ và sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý.

2.3. Phòng văn hóa thông tin:

Chủ trì cùng Trung tâm VHTT&TT, phối hợp với UBND thị trấn tuyên truyền cho người dân cho người dân về lợi ích của việc sử dụng nước sạch, khuyến khích người dân đấu nối sử dụng nước sạch.

2.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Tham mưu UBND huyện siết chặt, nghiêm cấm việc khai thác nước ngầm của các hộ dân trên địa bàn thị trấn đối với những khu vực đã có hệ thống nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung chạy qua theo các văn bản chỉ đạo của tỉnh. Đồng thời tuyên truyền người dân về lợi ích của việc sử dụng nước sạch với sức khỏe nhân dân và cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

2.5. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Tham mưu bố trí nguồn vốn để thực hiện kế hoạch nâng cao tỷ lệ người dân, cơ quan đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung sử dụng vốn ngân sách theo từng năm, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao, đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả.

2.6. Phòng Nông nghiệp Phát triển nông thôn:

- Phối hợp với UBND các xã và đơn vị quản lý cấp nước lồng ghép các chương trình, dự án để xây dựng và triển khai kế hoạch mở rộng mạng đường ống để cung cấp nước cho những khu vực nông thôn đã được đầu tư hệ thống ống chính nhưng chưa có hệ thống mạng lưới đến các khu dân cư và mở rộng mạng ống ra các xã lân cận; nghiên cứu, triển khai nội dung bảo đảm cấp nước an toàn đối với các chương trình, dự án cấp nước nông thôn.

- Kiểm tra đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước; quản lý chất lượng nước; khai thác đập, hồ chứa theo đúng quy định và ưu tiên cấp nước sinh hoạt.

2.7. UBND thị trấn Kbang, xã Đông, Nghĩa An và xã Đăk Hlơ:

- Tuyên truyền người dân về lợi ích của việc sử dụng nước sạch với sức khỏe nhân dân và cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Tăng tỷ lệcông tác quản lý các công trình cấp nước sau đầu tư, đẩy mạnh công tác kiểm tra chất lượng nước sau xử lý, phối hợp với phòng Tài nguyên Môi trường xử lý nghiêm các trường hợp khai thác nước ngầm tại các khu vực đã có hệ thống tập trung chạy qua.

UBND huyện yêu cầu phòng Kinh tế và Hạ tầng, ban quản lý Hạ tầng - Giao thông - Đô thị, Trạm quản lý Thủy nông và các đơn vị có liên quan, UBND các xã, Nghĩa An, xã Đông, xã Đăk Hlơ và thị trấn Kbang khẩn trương triển khai Kế hoạch bảo đảm nâng cao tỷ lệ người dân, cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng nước sạch qua hệ thống nước tập trung./.

Nơi nhận:
- Sở Xây dựng (B/c);
- TT Huyện ủy;
- TT UBND huyện;
- Phòng KT&HT; TC-KH, TNMT, VHTT;
- Ban quản lý HT-GT-ĐT, Trạm quản lý TN;
- Điện lực Kbang;
- Lưu: VT, VP, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng